

Số: 820/2020/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phùng Văn Hải

Thư ký phiên họp: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Hoàng Anh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 453/2016/DSST ngày 25/11/2016 về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 2957/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Công ty U (Việt Nam) TNHH

Địa chỉ: Số 7 đường 2A, khu công nghiệp B 2, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật:

1/ Ông T – Tổng giám đốc

2/ Ông K – Phó tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 11-17 đường số 22A khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 02/UQ-ST ngày 16/12/2016) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Công H1, là Luật sư của Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lý Quốc C, sinh năm 1972

Địa chỉ: Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2/ Bà Ngô H2, sinh năm 1929

Địa chỉ: Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3/ Bà Lý Quách H3, sinh năm 1953

Địa chỉ: USA (vắng mặt)

4/ Ông Lý Quốc D, sinh năm 1960

Địa chỉ: USA (vắng mặt)

5/ Bà Lý N1, sinh năm 1963

Địa chỉ: USA. (vắng mặt)

6/ Bà Lý M, sinh năm 1964.

Địa chỉ: USA. (vắng mặt)

7/ Bà Lý A, sinh năm 1965.

Địa chỉ: USA. (vắng mặt)

8/ Bà Lý Thị X, sinh năm 1966

Địa chỉ: Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà X có ông: Lưu Tăng TH1, sinh 1979

Địa chỉ: Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Ông Lý Tuấn P, sinh năm 2002

10/ Bà Lý Khôn C2, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu giải quyết việc dân sự - Công ty U (Việt Nam) TNHH trình bày:
Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 07/2010/QĐST-KDTM-HGT ngày 14/7/2010 của Tòa án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lý Quốc C có nghĩa vụ trả nợ cho công ty U (Việt Nam) TNHH số tiền nợ còn thiếu là 2.105.255.978 đồng trong thời hạn 18 tháng. Ngày 06/7/2010, ông C có giấy cam kết sẽ trả cho công ty U (Việt Nam) số tiền 2.105.255.978 đồng ngay sau khi Tòa án xét xử xong vụ án chia thừa kế đối với 02 căn nhà gồm: căn nhà số 121 đường P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số , Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh do cha mẹ ông Lý Th và bà Ngô H2 đứng tên theo giấy phép số 1005/GP ngày 02/7/1980 của Sở quản lý nhà đất và công trình công cộng; giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 27/9/1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lý Th và bà Ngô H2 có 08 người con chung gồm: bà Lý Quách H3, bà Lý H3, ông Lý Quốc D, bà Lý N1, bà Lý M, bà Lý A, bà Lý Thị X và ông Lý Quốc C. Hiện, ông Lý Th và bà Lý H3 đã mất.

Theo quyết định số 900/QĐ-CCThA ngày 01/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông C có nghĩa vụ trả cho công ty U (Việt Nam) TNHH số tiền 1.707.255.978 đồng và tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Nay, Công ty U (Việt Nam) TNHH có đơn yêu cầu Tòa án xác định phần

sở hữu của ông Lý Quốc C trong khối tài sản bao gồm: căn nhà số 121 đường P, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và căn nhà số , Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lý Quốc C không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Lý Thị X có ông Lưu Tăng TH1 đại diện trình bày: Ông Lý Th chết ngày 23/5/1992 có vợ là bà Ngô H2. Cha mẹ của ông Thoại đã chết trước ông Thoại. Ông Thoại và bà Hương có 08 người con chung gồm: Lý Quách H3, Lý H3, Lý Quốc D, Lý N1, Lý M, Ly Landy, Lý Thị X, Lý Quốc C. Ngoài ra ông Thoại không có con riêng hay con nuôi nào khác. Ông Thoại chết không để lại di chúc. Tài sản của ông Thoại và bà Hương gồm nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và số , Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH bà không có ý kiến gì, trong trường hợp có thể thỏa thuận bà đề nghị được mua lại phần thừa kế của ông Lý Quốc C trong hai tài sản nêu trên.

Tại phiên họp sơ thẩm:

- Công ty U (Việt Nam) TNHH có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty U (Việt Nam) TNHH trình bày: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lý Thị X có ông Lưu Tăng TH1 đại diện trình bày: vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết việc dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Qua kiểm sát việc giải quyết việc dân sự nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên họp, Hội đồng giải quyết việc dân sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên họp giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên họp, đề nghị Hội đồng giải quyết việc dân sự sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là Công ty U (Việt Nam) TNHH là người được thi hành án theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 07/2010/QĐST-KDTM-HGT ngày 14/7/2010 và quyết định số 900/QĐ-CCTHA ngày 01/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N. Ngày

10/5/2016, Chi cục Thi hành án dân sự Quận N đã thông báo cho ông Lý Quốc C, các đồng thừa kế của ông Lý Th về việc sẽ tiến hành kê biên, xử lý tài sản của ông Lý Quốc C được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Lý Th. Tuy nhiên đã quá thời hạn thông báo nhưng ông C và các đồng thừa kế của ông Lý Th không khởi kiện. Do đó, Công ty U (Việt Nam) TNHH đã yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu của người phải thi hành án là ông Lý Quốc C trong khối tài sản chung để thi hành án. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 7, Điều 74 Luật thi hành án dân sự 2014, khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Công ty U (Việt Nam) TNHH có quyền yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản của ông Lý Quốc C trong khối di sản thừa kế của ông Lý Th, và đây là việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang cư trú ở nước ngoài nên căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết việc dân sự theo trình tự sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý Quốc C, bà Ngô H2, ông Lý Tuấn P, bà Lý Khôn C2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở nước ngoài là bà Lý Quách H3, ông Lý Quốc D, bà Lý N1, bà Lý M, bà Lý A đang cư trú tại Hoa Kỳ, Tòa án đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp đối với các ông bà nêu trên, Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ đã tiến hành niêm yết các thông báo thụ lý và thông báo mở phiên họp theo quy định nhưng các ông bà trên không có ý kiến đối với yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự. Theo văn bản có chữ ký của các ông bà nêu trên (không có hợp pháp hóa lãnh sự) xác định có nhận được thông báo của Tòa án và xin hoãn lại phiên họp để ông bà ủy quyền tham gia tố tụng cho người đại diện tại Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền của bà Lý Thị X xác định có liên lạc và đang chờ thủ tục ủy quyền của các ông bà trên. Tuy nhiên đến nay Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa nhận được văn bản ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như văn bản ý kiến đối với yêu cầu giải quyết việc dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt quyết định mở phiên họp và giấy triệu tập tham gia phiên họp theo đường bưu chính viễn thông cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hai lần nhưng cũng không nhận được phản hồi của các ông bà trên. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3.] Về nội dung:

[3.1.] Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 07/2010/QĐST-KDTM-HGT ngày 14/7/2010 của Tòa án nhân dân Quận N thì ông Lý Quốc C có nghĩa vụ trả nợ cho công ty U (Việt Nam) TNHH số tiền nợ còn thiếu là 2.105.255.978 đồng trong thời hạn 18 tháng. Theo quyết định số 900/QĐ-CCTHA ngày 01/8/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông C có nghĩa vụ trả cho công ty U (Việt Nam)

TNHH số tiền 1.707.255.978 đồng và tiền lãi chậm trả. Tuy nhiên, ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình. Đến nay, tại phiên họp giải quyết việc dân sự, người đại diện theo ủy quyền của Công ty U (Việt Nam) TNHH xác định ông C chưa hoàn trả toàn bộ số tiền nêu trên cũng như lãi suất phát sinh.

Sau khi xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự Quận N đã xác định ông C đang có quyền thừa kế đối với di sản mà ông Lý Th chết để lại là nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và số , Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với việc phân chia di sản này, ngày 29 tháng 8 năm 2011, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 1481/2011/DSST giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp tài sản chung giữa bà Lý Thị X với ông Lý Quốc C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác. Do không đồng ý với án sơ thẩm, bà Lý Thị X và bà Ngô H2 đã kháng cáo bản án sơ thẩm. Trong quá trình xét xử phúc thẩm, nguyên đơn rút đơn khởi kiện, bị đơn rút yêu cầu phản tố, các đương sự rút yêu cầu kháng cáo do đó Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định hủy án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 125/2012/QĐPT ngày 05/4/2012. Do vậy, đến nay phần di sản của ông Lý Th chết để lại vẫn chưa được các đồng thừa kế phân chia.

Căn cứ Công văn số 345/QLĐT-QLN ngày 21/3/2018 của Phòng quản lý đô thị Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định nguồn gốc nhà đất Phường B, Quận N cùng các tài liệu kèm theo gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ngày 29/7/1996 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lý Th (chết năm 1992) và bà Ngô H2, Giấy phép xây dựng cấp cho bà Ngô H2 (đại diện các đồng sở hữu) được phép xây dựng công trình nhà ở tại Quận N, Giấy bán nhà giữa ông bà Ngô L1 và Từ Bội T2 với ông Lý Th có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận N ngày 18/12/1979, Giấy phép của Giám đốc sở quản lý nhà đất và công trình công cộng cho phép ông bà Ngô L1 và Từ Bội T2 bán nhà số , Phường B, Quận N cho ông Lý Th. Ông Lý Th mua nhà , Phường B, Quận N trong giai đoạn hôn nhân với bà Ngô H2, cả gia đình ông Lý Th và bà Ngô H2 đã sống trong căn nhà này từ đó đến khi ông Lý Th chết và hiện nay là ông Lý Quốc C đang cư trú. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự có căn cứ xác định nhà đất tại Phường B, Quận N và , Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Lý Th và bà Ngô H2. Ông Lý Th chết không để lại di chúc, do đó có căn cứ xác định $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và $\frac{1}{2}$ nhà đất tại Phường B, Quận N là di sản của ông Lý Th chết để lại và chưa được phân chia.

[3.2.] Về xác định hàng thừa kế của ông Lý Th: Theo trình bày của bà Lý Thị X thì ông Lý Th và bà Ngô H2 có 08 người con chung gồm: Lý Quách H3, Lý H3 (chết năm 2002, độc thân), Lý Quốc D, Lý N1, Lý M, Lý A, Lý Thị X, Lý Quốc C, ngoài ra không còn con riêng hay con nuôi nào khác. Tòa án đã yêu cầu bà X cung cấp khai sinh hoặc các tài liệu khác chứng minh quan hệ nhân thân của các đồng thừa kế nhưng bà X không cung cấp được. Tuy nhiên, theo bản án sơ thẩm

số 1481/2011/DSST ngày 29/8/2011 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tranh chấp chia tài sản chung đối với hai tài sản nêu trên thì các đương sự trong vụ án thống nhất, không có tranh chấp về hàng thừa kế của ông Lý Th, không kháng cáo đối với nội dung này. Hàng thừa kế của ông Lý Th như bà X trình bày trong việc dân sự này là giống với nội dung đã khai nhận trong bản án nêu trên. Mặc dù bản án đã bị hủy do các đương sự rút đơn khởi kiện nhưng với những chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Th gồm các ông bà: Ngô H2, Lý Quách H3, Lý H3 (chết năm 2002, độc thân), Lý Quốc D, Lý N1, Lý M, Lý A, Lý Thị X, Lý Quốc C. Ông Lý Quốc C cũng không thuộc trường hợp không được hưởng di sản thừa kế theo quy định tại Điều 621 Bộ luật dân sự 2015.

[3.3.] Trong quá trình giải quyết việc dân sự, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo thời gian mở phiên họp giải quyết việc dân sự nhưng ông Lý Quốc C, bà Ngô H2, bà Lý Quách H3, ông Lý Quốc D, bà Lý N1, bà Lý M, bà Lý A không có ý kiến đối với yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH, không yêu cầu về công sức đóng góp đối với di sản. Ngoài ra, khi nhận được thông báo của cơ quan thi hành án thì các ông bà cũng không khởi kiện vụ án dân sự về thừa kế. Do đó, Hội đồng giải quyết việc dân sự có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH về việc xác định quyền sở hữu tài sản để thi hành án.

[3.4.] Ông Lý Th chết năm 1992 không để lại di chúc, do đó di sản thừa kế của ông Lý Th là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và $\frac{1}{2}$ nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 650 Bộ luật dân sự 2015. Theo đó, bà Ngô H2 được hưởng 10/18 giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và 10/18 nhà đất tại Phường B, Quận N (bao gồm $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và $\frac{1}{2}$ nhà đất tại Phường B, Quận N và 01 suất thừa kế đối với di sản do ông Lý Th chết để lại); các ông bà Lý Quách H3, Lý H3 (chết năm 2002, độc thân), Lý Quốc D, Lý N1, Lý M, Lý A, Lý Thị X, Lý Quốc C mỗi người được hưởng 1/18 giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và 1/18 nhà đất tại Phường B, Quận N. Bà Lý H3 chết sau ông Thoại và không có chồng con nên suất thừa kế của bà Lý H3 được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của Bà H3 là bà Ngô H2. Do đó bà Ngô H2 được tổng cộng 11/18 tổng giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.] Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự và các điều luật về chia di sản thừa kế đã viện dẫn nêu trên có đủ cơ sở xác định phần sở hữu của ông Lý Quốc C trong khối di sản do ông Lý Th chết để lại là 1/18 giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và 1/18 nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5.] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty U (Việt Nam) TNHH là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[6.] Từ những phân tích nêu trên và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp, Hội đồng giải quyết việc dân sự sơ

thẩm có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH, xác định quyền sở hữu của ông Lý Quốc C là 1/18 giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N và 1/18 nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7.] Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: người yêu cầu giải quyết việc dân sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 361, 27, 372 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 7, Điều 74 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty U (Việt Nam) TNHH:

Xác định ông Lý Quốc C được sở hữu 1/18 giá trị nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh và 1/18 nhà đất tại Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

- Công ty U (Việt Nam) TNHH phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 07512 ngày 04/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày được tổng đạt họp lệ quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (T.30).

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Phùng Văn Hải

